

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Thới

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Công Nghị và bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 2 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST –HNGĐ ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ksor H**, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn S, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai) . Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nay T**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai(Nay là thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, bản tự khai ngày 17/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ksor H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N Tương kết hôn năm 2019 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Về chung sống chồng chị không coi trọng gia đình anh em chị, coi thường bố mẹ vợ. Có tính gia trưởng luôn coi trọng bạn bè bỏ bê việc nhà. Có một khoảng thời gian chị đi làm công ty trong Bình Dương được mấy tháng thì anh T luôn nghi ngờ chị vì vậy tôi không đi làm nữa về lại nhà làm nông. Tuy nhiên về chung sống anh T thường xuyên nhậu nhọt và không còn tôn trọng gia đình đình chị thậm trí còn đánh đập chị. Nên tôi không thể sống cùng anh T được. Đến tháng 4/2024 chị và anh T đã không sống cùng nhau nữa anh T về nhà cha mẹ đẻ của anh ở. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Ksor H1, sinh ngày 11/9/2016 và Ksor X, sinh ngày 27/3/2020. Hiện con đang còn sống với chị nay ly hôn chị nhận nuôi 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nay T có nơi cư trú tại thôn S, xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai). Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ cho anh Nay T. Anh Nay T đã biết việc chị Ksor H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nhưng anh T không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ hai anh T1 cũng vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa theo Giấy triệu tập.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Ksor H ly hôn với anh N Tương

Về con chung: Giao 02 con chung là Ksor H1, sinh ngày 11/9/2016 và Ksor X, sinh ngày 27/3/2020 cho chị Ksor H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Ksor H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Ksor H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nay T có nơi cư trú tại thôn S, xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai) nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Gia Lai theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nay T không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn chị Ksor H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Ksor H và anh N Tương đăng ký kết hôn ngày 23/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai) số 44 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống chị N1 và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T không tôn trọng gia đình, nghi ngờ vợ, uống rượu say là đánh vợ, Đến tháng 4/2024 chị N1 và anh T đã sống ly thân đến nay. Nên chị Ksor H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 18/2/2025 tại thôn S, xã C, huyện P, tỉnh Gia La (Nay là thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai) cho thấy: Chị N1 và anh T có 2 người con chung nhưng từ tháng 4/2024 hai người không sống chung với nhau và anh N Tương về nhà cha mẹ đẻ ở. Từ đó nhận thấy hôn nhân giữa chị Ksor H và anh Nay T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Ksor H được ly hôn anh Nay T.

- Về con chung: Ksor H'Nhi được ly hôn anh N Tương có 02 con chung là Ksor H1, sinh ngày 11/9/2016 và Ksor X, sinh ngày 27/3/2020. Để không làm xáo trộn cuộc sống của con và nguyện vọng của cháu Ksor H1 là được sống cùng mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị Ksor H2' N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ksor H không yêu cầu anh N Tương cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ksor H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ksor H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2015/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ksor H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ksor H được ly hôn với anh N Tương

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Ksor H1, sinh ngày 11/9/2016 và Ksor X, sinh ngày 27/3/2020 cho chị Ksor H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Ksor H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009093, ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai (khi án có hiệu lực);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bá Thới